

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 742/2023/HS-PT

Ngày: 25/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 657/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Vàng Văn H và Lù Dũng K do có K cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Vàng Văn H, sinh năm 1984 tại huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Cờ Tầu, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Nhè P1 (đã chết) và bà Hầu Thị C1; có vợ là Lù Thị V và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/9/2022; có mặt.

2. Lù Dũng K, sinh ngày 01/01/1981 tại xã Đường Thượng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Lùng Cáng, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Xì L1 và bà Ly Thị N (đều đã chết); có vợ là Vàng Thị M và 05 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 20/02/2023; có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Bà Lục Thùy L2, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

*** Người phiên dịch tiếng H'Mông:** Bà Sùng Thị C2, sinh năm 1979 – Cán bộ Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vàng Văn H có con Vàng Mí Đ, sinh năm 2005 thường xuyên bị ốm, H tự chữa bằng thuốc nam nhưng không khỏi, nên trước ngày xảy ra vụ án khoảng 03 ngày (ngày xảy ra vụ án 21/7/2006), H mời Lò Văn S, sinh năm 1977, trú tại thôn Cờ Tầu, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang đến xem bói cho Đ, khi S đến xem bói xong thì nói Đ ốm là do bị Lò Chủ P2, sinh năm 1962, trú tại xóm Cờ Tầu, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang làm ma, S cũng nói vợ, con của S chết là do bị P2 làm ma (vợ S chết khoảng năm 2004, con S chết khoảng năm 2005). Sau đó, S rủ H cùng đi giết P2, nhưng do P2 là chú vợ của H nên H nói không dám giết. Thấy H nói vậy, S nói nếu H không dám giết thì cùng S đi mượn súng của Lò Dũng K trú tại thôn Lũng Cáng, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh để về bắn P2 thì H đồng ý. Đến trưa ngày 20/7/2006, S đến nhà H rủ cùng đi đến nhà Lò Dũng K để mượn súng về bắn P2. Sau đó, H và S cùng nhau đi bộ theo đường mòn từ thôn Cờ Tầu đến nhà K. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, K đang ở nhà thì thấy H đến nhà, một lúc sau thấy S đến. Trong lúc H, S ngồi nói chuyện với K ở trong nhà, thì S hỏi mượn súng của K để đi bắn thú rừng, nhưng K không cho S mượn. Thấy K không cho S mượn súng, thì H nói với K là mượn súng để đi bắn Lò Chủ P2, lúc này K mới biết rõ việc H và S đến nhà mượn súng của mình là để đi bắn Lò Chủ P2, sau đó H còn hỏi K có dám đi bắn ông P2 không thì K từ chối đồng ý kể cho H, S biết việc trước đó anh trai K bị ốm, có nghi ngờ do bị P2 làm ma Ngũ Hải nên K đã dùng súng đến tìm dọa bắn P2 một lần sau đó bị Công an xã Đường Thượng xử lý nên không dám đi bắn P2 nữa. Trong lúc ngồi nói chuyện với nhau, do thấy H và S nhiều lần hỏi mượn súng của mình nên K cùng S đi ra ngoài cửa cách khoảng 03 mét nói chuyện sẽ trả tiền, thì K đã đồng ý cho mượn và nói với S *“nếu lấy đi bắn người thì súng không sạch, tao không lấy nữa”*; S nói với K *“nếu mày không lấy súng thì sẽ trả cho mày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)”*, K đồng ý cho mượn súng. S đi về trước, còn H ở lại để chờ lấy súng mang về sau. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi thấy trời đã gần tối, K bảo H đi xuống gốc cây vải ở bên dưới nhà K để chờ lấy súng. H đi theo đường mòn hướng về thôn Cờ Tầu đến đoạn đường cách gốc cây vải 25m, cách nhà K 250m để chờ lấy súng. Còn K thì đi ra hang đá cách nhà mình 9,7m lấy 01 khẩu súng kíp dài 1,3m, nòng súng dài 89cm, phần báng gỗ dài 1,2m, đường kính nòng súng rộng 1,5cm, súng có dây đeo bằng vải và có 01 thông nòng súng (*K đã nhồi đạn và thuốc súng vào nòng từ trước*) mang đến vị trí H đứng đưa cho H, rồi quay về nhà mình. Còn H khi nhận được súng, Vác lên vai đi theo đường mòn về, khi đi được khoảng 02 km thì gặp S đang đứng chờ ở đường rồi cả hai cùng nhau đi về. Lúc này trời đã tối hẳn, khi cả hai đi xuống hết chân núi cách nhà H khoảng 400m, S bảo H đưa súng cho S cầm và dặn H đi mượn một bộ quần áo khác mặc để khi đi bắn P2 không bị ai phát hiện, H đồng ý đưa súng cho S cầm rồi ai về nhà người đó. Còn đối với Lò Dũng K, sau khi đưa súng cho H mượn và quay về nhà thì thấy Lò

Xia C3, sinh năm 1983, trú tại thôn Cờ Tầu, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh đi qua nhà, lúc này K cùng C3 đi xuống nhà C3 ở thôn Cờ Tầu, mục đích để ngày hôm sau đi chợ phiên xã Đường Thượng. Khi đến nhà C3, thì K đi sang nhà H (vì nhà C3 và nhà H đối diện nhau, cách nhau bởi trục đường liên xã) để hỏi H cất súng ở đâu thì H nói cất ở kia nhưng không nói cụ thể ở đâu. K tiếp tục dặn H là khi sử dụng súng của K đi bắn ông P2 thì phải cẩn thận, không để người khác biết. Sau đó đến chiều ngày 21/7/2006, H đến nhà Vàng Lìa Vur, sinh năm 1985, trú cùng thôn (là anh em họ hàng) của H để hỏi mượn bộ quần áo quân nhân (*loại áo rằn ri*) vì biết Vàng Lìa Vur mới hết nghĩa vụ quân sự và mang quần áo về, H nói dối Vur là mượn quần áo để đi chụp ảnh nên Vur đồng ý đưa quần áo và mũ rằn ri cho H mượn, sau đó H mang bộ quần áo, mũ về nhà cất. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H thấy S đến ngoài cửa nhà hỏi có mượn được quần áo không, thì H trả lời “*được*”, S hẹn đến khoảng 20 giờ sẽ đi bắn P2 rồi đi về, còn H mặc quần áo, đội mũ mượn được của Vur và ở nhà đợi. Khoảng 20 giờ cùng ngày S đến bên ngoài cửa nhà H gọi thì cả hai cùng đi bộ đến nhà P2 (*S đi trước, H đi sau*), do trời tối nên trên đường đi H không chú ý quan sát S cầm súng theo hay không. Do đã biết vị trí nằm ngủ của P2 nên khi đến gần nhà P2, cả hai đi qua nương ngô của nhà P2 ở bên giáp với nhà ông Lù Chúng Sinh (sinh năm 1979, trú tại thôn Cờ Tầu, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh) đến sau nhà P2. Khi đó, H đứng sau S, cách S khoảng 02m, S đứng cách Vch nhà (*bằng phen tre*) tiếp giáp với giường ngủ của P2 4,5m. Ngay lúc đó, H nhìn thấy bóng của S ngồi xuống và nghe thấy có tiếng súng nổ ngay trước mặt, đồng thời thấy tia ánh sáng phát ra từ nòng súng ở ngay vị trí ngồi của S bay về phía nhà P2. Nghe tiếng súng nổ, H và S chạy ra đường ô tô liên xã thì H phát hiện bị rơi mũ, S bảo H không lấy nữa và dặn H không được nói gì thì sẽ không có ai biết, rồi cả hai đi về, ai về nhà người đó. Đến chiều tối ngày 22/7/2006, khi lực lượng C3c năng tổ C3c khám nghiệm xong ra về, H đến gần nhà P2 để xem mọi người tổ C3c đám ma cho P2 thì gặp S. Lúc đó, S bảo H mang súng đi trả cho K và dặn đến vị trí H đã đưa súng cho S vào tối hôm trước cH để S mang súng đến, sau khi S đưa súng, H mang súng đến bên ngoài nhà K trả súng cho K. Khi nhận được súng, K thấy súng không còn thuốc súng và đạn, H nói với K là đã bắn chết P2 và quay về nhà. Do lo sợ bị pháp luật xử lý nên H nảy sinh ý định bỏ trốn đi Trung Quốc, trước khi bỏ trốn H nói cho bà Lù Thị V (*là vợ*) và bà Hầu Thị C1 (*là mẹ đẻ*) biết đã đi cùng S bắn chết P2, sau đó bỏ trốn đi Trung Quốc cho đến khi bị Công an Trung Quốc bắt và trao trả về Việt Nam vào ngày 06/9/2022.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 23/GDPY ngày 23/7/2006 của Tổ C3c giám định pháp y tỉnh Hà Giang, kết luận nguyên nhân tử vong Lù Chủ P2:

- + *Vết thương ngực hở (T); dập nát đáy phổi trái, tổn thương tim;*
- + *Mất máu cấp.*

Tại bản kết luận giám định số: 337/KL- KTHS, ngày 06/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận:

- + Khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1 là súng kíp, loại súng này thuộc

súng săn, không phải vũ khí quân dụng, hiện tại không sử dụng được nên không xác định được mức độ sát thương khi sử dụng súng bắn đạn vào cơ thể người.

+ Các viên kim loại gửi giám định ký hiệu A2 là các viên bi thường được nhồi trong đạn ghém, súng kíp.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ các điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, k, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

1. Tuyên bố các bị cáo: Vàng Văn H và Lù Dũng K phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vàng Văn H 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/9/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Lù Dũng K 12 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/02/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án phạt tù.

3. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật C3ng, án phí và thông báo quyền K cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2023, bị cáo Lù Dũng K có đơn K cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/5/2023, bị cáo Vàng Văn H có đơn K cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Vàng Văn H và Lù Dũng K đều giữ nguyên K cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích đánh giá các C3ng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và căn cứ nội dung K cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận K cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Người bào chữa trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo không phải là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và phạm tội do lạc hậu. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H 8-9 năm tù; xử phạt bị cáo K 7-8 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà

Giang, Kiểm sát viên; người bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người bào chữa là hợp pháp.

[2] Căn cứ định tội đối với các bị cáo: Trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Vàng Văn H và Lò Dũng K khai nhận đã thực hiện hành vi giết Lò Chủ P2. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản xác định hiện trường (BL 141-154), biên bản thực nghiệm điều tra của Vàng Văn H (BL 157-170), biên bản thực nghiệm điều tra của Lò Dũng K (BL 171-186), kết luận giám định cũng như các tài liệu, C3ng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Bị cáo Vàng Văn H do có nghi ngờ bị hại Lò Chủ P2 biết làm ma ngũ hải nên vào khoảng 15 giờ ngày 20/7/2006, Vàng Văn H, đã được bàn bạc trao đổi với Lò Văn S (đã chết ngày 11/12/2012), cùng nhau đi mượn súng của Lò Dũng K để đi giết Lò Chủ P2, sau khi mượn được súng đến khoảng 20 giờ ngày 21/7/2006 Vàng Văn H cùng Lò Văn S đến nhà Lò Chủ P2, sinh năm 1962, trú tại xóm Cờ Tầu, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang để thực hiện hành vi giết người (dùng súng bắn bị hại). Hậu quả Lò Chủ P2 chết ngay tại giường ngủ của gia Đ, còn đối với Lò Dũng K không phải là người trực tiếp tham gia bàn bạc trao đổi về việc dùng súng để bắn P2, nhưng khi H và S mượn súng đi bắn P2 thì K đồng ý cho mượn, bản thân K đã có 1 lần dùng súng của mình đi dọa bắn P2 và đã bị Công an xã Đường Thượng xử lý (không tìm thấy hồ sơ vụ việc, bị thất lạc). Do vậy hành vi của Lò Dũng K có vai trò giúp sức tích cực về tinh thần, vật chất (đưa súng) cho S để thực hiện hành vi đi bắn P2, nên K phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm về tội giết người. THi điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành.

[4] Hành vi giết người của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho tính mạng của con người, chỉ vì mê tín dị đoan dẫn đến thù ghét cá nhân, đối tượng Lò Văn S đã rủ rê, lôi kéo Vàng Văn H cùng đi mượn súng của Lò Dũng K để bắn chết bị hại Lò Chủ P2, bị cáo K biết S, H mượn súng đi bắn P2 nhưng vẫn cho mượn, hậu quả S và H dùng súng bắn bị hại Lò Chủ P2 chết do “vết thương ngực hở (T); dập nát đáy phổi trái, tổn thương tim; Mất máu cấp”. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, đối tượng S và bị cáo Vàng Văn H cho rằng bị hại Lò Chủ P2 biết làm ma ngũ hải nên đã làm hại vợ, con mình đau ốm, bị cáo H đã bị Vàng Văn S xúi giục cùng đi giết bị hại Lò Chủ P2 với lỗi cố ý trực tiếp, còn bị cáo K cho mượn súng kíp với lỗi cố ý gián tiếp. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt “tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án có đồng phạm: Bị cáo Vàng Văn

H là người giúp sức tích cực cho đối tượng Lù Văn S (bị cáo S chết năm 2012) trực tiếp thực hiện hành vi dùng súng kíp bắn bị hại Lù Chủ P2, cụ thể bị cáo H đã chủ động nói với bị cáo K biết việc mượn súng kíp của K để đi giết bị hại Lù Chủ P2, thuyết phục bị cáo K cho mượn súng để đi bắn bị hại, là người trực tiếp lấy súng từ chỗ bị cáo K mang về đưa cho Lù Văn S, đi cùng với Lù Văn S đến nhà Lù Chủ P2 để thực hiện hành vi giết bị hại; sau khi giết bị hại, bị cáo H là người mang súng kíp đi trả cho bị cáo K vai trò đứng thứ hai trong vụ án. Bị cáo Lù Dũng K tuy không đi cùng với Lù Văn S và Vàng Văn H đi bắn bị hại Lù Chủ P2, nhưng khi bị cáo H hỏi mượn súng để đi bắn bị hại Lù Chủ P2, bị cáo K đã đồng ý cho S và H mượn súng của mình; khi đến nhà bị cáo H chơi bị cáo K còn dặn H khi sử dụng súng của K đi bắn ông P2 thì phải cẩn thận, không để người khác biết. Như vậy, bị cáo Lù Dũng K là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực trong vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo Vàng Văn H và Lù Dũng K tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, các bị cáo H, K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi xảy ra vụ án, bị cáo Vàng Văn H đã tác động mẹ đẻ là bà Hầu Thị C1 bồi thường cho gia Đ bị hại số tiền 3.000.000 đồng; nhờ vợ là Lù Thị V đứng ra thay mặt bị cáo bồi thường cho gia Đ bị hại số tiền 200.000.000 đồng là số tiền bị cáo đi làm thuê có được; bị cáo Lù Dũng K đã tự nguyện bồi thường cho gia Đ bị hại số tiền 3.000.000 đồng; đại diện gia Đ bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo H, K đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không được đi học, không hiểu biết pháp luật, tHị điểm phạm tội địa phương các bị cáo sinh sống, người dân còn rất lạc hậu, bị ảnh hưởng nhiều bởi các hủ tục mê tín dị đoan. Bị cáo Vàng Văn H có bà nội là Hạng Thị X là người có công với cách mạng. Do đó, các bị cáo Vàng Văn H, Lù Dũng K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, k, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Do vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Vàng Văn H và Lù Dũng K, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, các bị cáo Vàng Văn H và Lù Dũng K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Ngoài ra, các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị cần được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận K cáo của các bị cáo Vàng Văn H và Lù Dũng K; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân

dân tỉnh Hà Giang.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, k, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố các bị cáo: Vàng Văn H và Lù Dững K phạm tội “Giết người”.

Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Vàng Văn H 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/9/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Lù Dững K 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/02/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án phạt tù.

2. Về án phí: Các bị cáo Vàng Văn H và Lù Dững K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Giang (2);
- Các bị cáo (qua trại);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Cường